TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HSST
Ngày: 01/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Hồng Châu
2. Ông Bùi Trọng Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư M'gar.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Cư M'gar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lô Văn B**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1972, tại tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Bản A, xã C, huyện D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lô Văn T (đã chết); Con bà: Quang Thị E, sinh năm 1950; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 05, cụ thể: Bản án số 01 ngày 14/01/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xử phạt Lô Văn B 03 năm tù về tội Chiếm đoạt vũ khí quân dụng và 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 04 năm tù. Lô Văn B chấp hành xong án phạt tù (chưa được xóa án tích).

Bản án số 452/HSST ngày 11/11/2003 của TAND tỉnh Nghệ An xử phạt Lô Văn B 09 năm tù về tội Cướp tài sản. Ngày 12/07/2010, Lô Văn B chấp hành xong hình phạt tù tại Trại Giam X - Tổng cục VIII - Bộ Công an (chưa được xóa án tích).

Bản án số 02/2013/HSST ngày 24/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xử phạt Lô Văn B 05 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Ngày 23/02/2017, Lô Văn B chấp hành xong hình phạt tù tại Trại Giam X - Tổng cục VIII - Bộ Công an (chưa được xóa án tích).

Bản án số 14/2018/HSST ngày 30/5/2018 của TAND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, xử phạt Lô Văn B 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bản án số 08/2018/HS-ST ngày 08/08/2018 của TAND huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, xử phạt Lô Văn B 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 36 tháng tù tại Bản án số 14/HSST ngày 30/5/2018 của TAND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh buộc Lô Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Ngày 30/7/2023, Lô Văn B chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam N - Cục C10 - Bộ Công an (chưa được xóa án tích).

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cư M'gar từ ngày 21/3/2024 cho đến nay. *Có mặt*.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn G - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Bị hại:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1986. *Có mặt*.
- Ông Phan Đình L, sinh năm 1973. *Có mặt*.

Cùng địa chỉ: Buôn S, xã V, huyện R, tỉnh Đắk Lắk

Người làm chứng: Bà Lê Thị O, sinh năm 1987. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Buôn S, xã V, huyện R, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/3/2024, Lô Văn B (là đối tượng có 05 tiền án chưa được xóa án tích và không có công việc làm ổn định) đón xe khách từ xã C, huyện D, tỉnh Nghệ An đến thành phố U, tỉnh Đắk Lắk để tìm việc làm. Khi đến thành phố U, Lô Văn B không tìm được việc làm, không có tiền chi tiêu và không có chỗ ở. Khoảng 10 giờ ngày 19/3/2024, Lô Văn B nảy sinh ý định đi tìm nhà dân sở hở trong quản lý tài sản để trộm cắp lấy tiền tiêu sài. B đi bộ lang thang trên các tuyến đường tại thành phố U. Lúc đi trên đường I, gần Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố U, B đón xe buýt vào huyện R, khi xe buýt đi đến địa phận buôn S, xã V, huyện R, B xuống xe, đi bộ vào quán cà phê 52 thuộc buôn S, xã V, huyện R uống nước và nằm trên võng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, B dậy rồi đi bộ vào đường bê tông gần quán cà phê 52 để tìm nhà dân nào sở hở thì đột nhập để trộm cắp tài sản. Khi đi bộ được khoảng hơn 100m, B phát hiện nhà của gia đình bà Phạm Thị M, sinh năm 1986 và ông Phan Đình L, sinh năm 1973, thuộc buôn S, xã V, huyện R có cửa và cổng phía trước đều khóa. B nhìn qua cổng vào bên trong nhà thì thấy cửa bên hông nhà khép hờ. B quan sát trên đường thấy không có người, B đi vào đường bên hông nhà rồi trèo qua bức tường rào bằng bê tông vào bên trong. B đi lại cửa hông ở tầng trệt vào trong nhà rồi tiếp tục đi lên tầng một thấy có hai phòng ngủ không đóng cửa. Quan sát bên trong phòng ngủ không thấy có tài sản gì nên B đi xuống lại tầng trệt thì thấy gần cầu thang có một phòng ngủ mở cửa, B vào tìm tài sản để trộm cắp thì thấy có 01 két sắt nằm sát góc tường bên trái từ cửa phòng ngủ đi vào. Thấy vậy, B đến mở két sắt nhưng không được nên dùng hai tay kéo lê két sắt ra phía bên ngoài theo hướng cửa phụ bên hông nhà. Khi chuyển được két sắt ra hiên cửa trước bên hông nhà, B đẩy két sắt xuống nền đất, cửa của két sắt hướng lên trên. B lấy 01 khúc gỗ dài 132,5cm, đường kính (9,7 x 5)cm ở gần đó và đi vào phòng ngủ lấy 01 chiếc chăn chiên nhiều màu sắc, kích thước (190 x 190)cm ra để lên cửa của két sắt rồi

dùng cây gỗ đục vào bốn góc của két sắt làm cửa két sắt bung ra. Hộc lớn bên trong két sắt không có tài sản gì, hộc nhỏ của két sắt khóa nên B tiếp tục dùng cây gỗ đục phá khóa thì thấy bên trong có 01 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng đựng trong túi ni lông màu đen. B lấy tiền bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài theo đường đã vào, sau đó đi ra đường liên xã đón xe buýt về thành phố U. Trên đường đi, B lấy tiền đã trộm cắp ra đếm được 14.000.000 đồng. Số tiền này B tiêu xài cá nhân hết. Ngày 21/3/2024, hành vi của Lô Văn B bị phát hiện xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 25/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện R, kết luận: 01 két sắt màu xanh, kích thước (0,78 x 0,60 x 0,44)cm. Định giá tại thời điểm ngày 19/3/2024 có giá trị 1.400.000 đồng.

- Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar đã thu giữ vật chứng gồm: 01 chiếc két sắt màu xanh có kích thước (0,78 x 0,60 x 0,44)m; 01 cây gỗ có kích thước (1,35 x 0,10 x 0,05)m; 01 tấm chăn chiên bằng vải nhiều màu sắc có kích thước (2 x 1,8)m (là tài sản của bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L).

Tại bản Cáo trạng số 42/CT -VKS, ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M’gar truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar để xét xử đối với bị cáo Lô Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra

Qua phần tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất mức, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Đồng thời vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lô Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- *Về Xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc két sắt màu xanh có kích thước (0,78 x 0,60 x 0,44)m; 01 cây gỗ có kích thước (1,35 x 0,10 x 0,05)m; 01 tấm chăn chiên bằng vải nhiều màu sắc có kích thước (2 x 1,8)m, đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng (bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L không có nhu cầu nhận lại).

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lô Văn B phải bồi thường cho bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L số tiền 16.000.000 đồng. Trong đó, gồm: 14.000.000 đồng là tiền mặt bị lấy trộm và tiền hư hỏng của két sắt là 2.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa thì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Bị cáo là người là người

dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư M'gar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/3/2024, tại buôn S, xã V, huyện R, Lô Văn B thực hiện hành vi trộm cắp 14.000.000 đồng của gia đình bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L, sau đó bị phát hiện xử lý.

Bị cáo B đã có 05 tiền án chưa được xoá án tích, cụ thể:

Bản án số 01 ngày 14/01/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xử phạt Lô Văn B 03 năm tù về tội Chiếm đoạt vũ khí quân dụng và 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 04 năm tù. Lô Văn B chấp hành xong án phạt tù (chưa được xóa án tích).

Bản án số 452/HSST ngày 11/11/2003 của TAND tỉnh Nghệ An xử phạt Lô Văn B 09 năm tù về tội Cướp tài sản. Ngày 12/07/2010, Lô Văn B chấp hành xong hình phạt tù tại Trại Giam X - Tổng cục VIII - Bộ Công an (chưa được xóa án tích).

Bản án số 02/2013/HSST ngày 24/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xử phạt Lô Văn B 05 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Ngày 23/02/2017, Lô Văn B chấp hành xong hình phạt tù tại Trại Giam X - Tổng cục VIII - Bộ Công an (chưa được xóa án tích).

Bản án số 14/2018/HSST ngày 30/5/2018 của TAND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, xử phạt Lô Văn B 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bản án số 08/2018/HS-ST ngày 08/08/2018 của TAND huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, xử phạt Lô Văn B 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 36 tháng tù tại Bản án số 14/HSST ngày 30/5/2018 của TAND huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh buộc Lô Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Ngày 30/7/2023, Lô Văn B chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam N - Cục C10 - Bộ Công an (chưa được xóa án tích).

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo vào ngày 19/3/2024 nói trên là tái phạm nguy hiểm.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm".

Do đó, hành vi trộm cắp của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như đã viện dẫn nêu trên.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Mọi hành vi chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp sẽ bị xử lý thích đáng theo qui định của pháp luật. Nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, muốn nhanh chóng kiếm tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã có 05 tiền án chưa được xoá án tích nhưng bản thân không chịu sửa đổi, tu dưỡng đạo đức và tự giáo dục để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

Xét Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là có cơ sở xem xét.

[3] *Về xử lý vật chứng**:***

Đối với 01 chiếc két sắt màu xanh có kích thước (0,78 x 0,60 x 0,44)m; 01 cây gỗ có kích thước (1,35 x 0,10 x 0,05)m; 01 tấm chăn chiên bằng vải nhiều màu sắc có kích thước (2 x 1,8)m, đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng (Phạm Thị M và ông Phan Đình L là chủ sở hữu không có nhu cầu nhận lại) nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị hại bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L yêu cầu bị cáo Lô Văn B phải bồi thường cho số tiền 16.000.000 đồng. Trong đó, gồm: 14.000.000 đồng là tiền mặt bị lấy trộm và tiền hư hỏng của két sắt là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo B đồng ý với mức yêu cầu bồi thường thiệt hại nói trên của phía bị hại. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên về trách nhiệm dân sự là tự

nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L số tiền 16.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng án phí DSST về bồi thường dân sự. Tuy nhiên, do bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên cần miễn cho bị cáo toàn bộ án phí HSST và DSST nói trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lô Văn B** phạm tội Trộm cắp tài sản .

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lô Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 21/3/2024.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc két sắt màu xanh có kích thước (0,78 x 0,60 x 0,44)m; 01 cây gỗ có kích thước (1,35 x 0,10 x 0,05)m; 01 tấm chăn chiên bằng vải nhiều màu sắc có kích thước (2 x 1,8)m, đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng (bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L là chủ sở hữu không có nhu cầu nhận lại).

(*Hiện vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện R, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2024).*

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lô Văn B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị M và ông Phan Đình L số tiền 16.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án về phần trách nhiệm dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lô Văn B thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí HSST và DSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện R;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cư M'gar;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh